

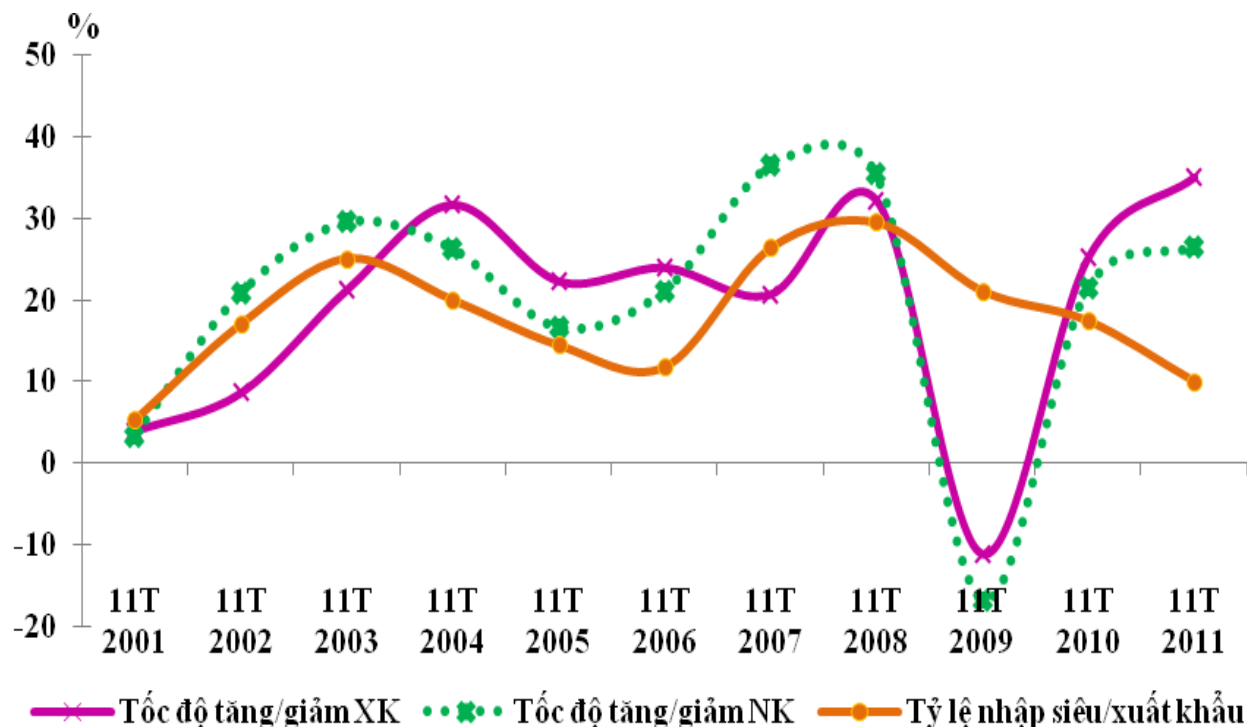
TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU CỦA VIỆT NAM THÁNG 11 VÀ 11 THÁNG NĂM 2011

I. Đánh giá chung

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá của cả nước trong tháng 11/2011 đạt 18,27 tỷ USD, tăng 4,2% so với tháng trước đó và tăng tới 23,8% so với tháng 11/2010. Trong đó kim ngạch xuất khẩu đạt 8,85 tỷ USD, tăng 5,5 % so với tháng 10/2011; nhập khẩu là 9,42 tỷ USD, tăng 3%. Nhập siêu trong tháng là 567 triệu USD, giảm 24,3% so với tháng trước và bằng 6,4% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước.

Như vậy, tính đến hết tháng 11 năm 2011 tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của cả nước đạt 183,53 tỷ USD, tăng 30,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, trị giá hàng hoá xuất khẩu đạt 87,36 tỷ USD, tăng 35% và thực hiện vượt 10% mức kế hoạch năm; trị giá nhập khẩu là 96,17 tỷ USD, tăng 26,5% và vượt 2,9% kế hoạch năm.

**Biểu đồ 1: Tốc độ tăng/giảm xuất khẩu, nhập khẩu
và tỷ lệ nhập siêu/xuất khẩu 11 tháng các năm 2001- 2011**



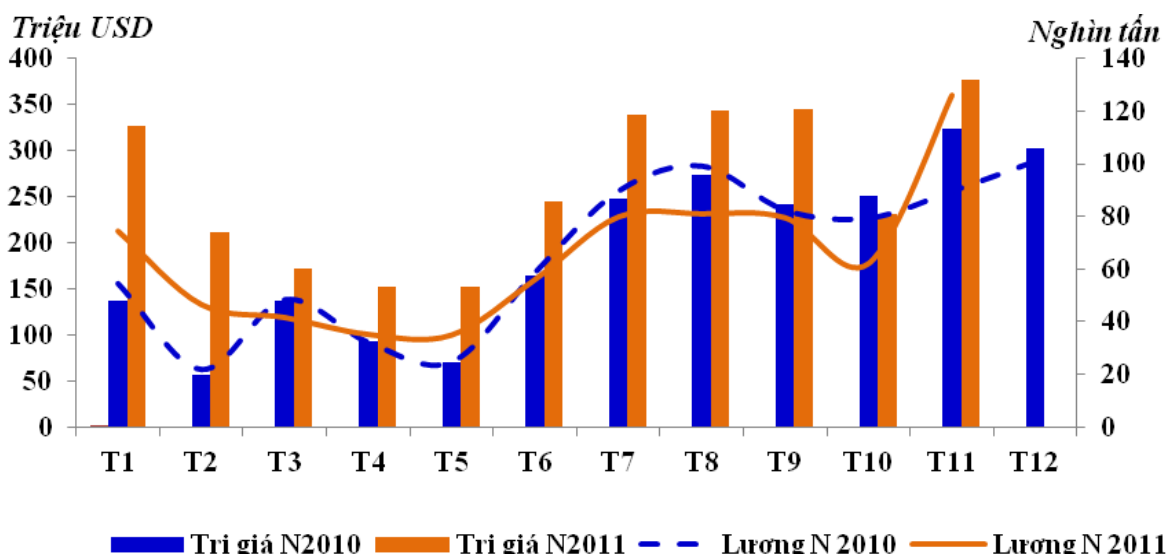
Cán cân thương mại hàng hoá 11 tháng thâm hụt gần 8,82 tỷ USD, bằng 10,1% kim ngạch xuất khẩu và là tỷ lệ nhập siêu/xuất khẩu thấp nhất kể từ năm 2002.

II. Một số nhóm hàng xuất khẩu chính

Hàng thủy sản: Tháng 11/2011, kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam đạt 582 triệu USD, giảm 3,7% so với tháng trước, nâng tổng kim ngạch xuất khẩu trong 11 tháng/2011 lên 5,53 tỷ USD, tăng 22,8% so với cùng kỳ năm 2010. Trong đó, xuất sang EU đạt 1,26 tỷ USD, tăng 16,3%; Hoa Kỳ đạt 1,05 tỷ USD, tăng 21,5%; Nhật Bản đạt 916 triệu USD, tăng 13,2% và Hàn Quốc đạt 446 triệu USD, tăng 32,3%. Bên cạnh đó, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam cũng tăng mạnh sang ASEAN, với kim ngạch 287 triệu USD (tăng 49%) và đặc biệt xuất khẩu sang thị trường Braxin tăng 161% (đạt 75,9 triệu USD).

Cao su: Tháng 11/2011, lượng cao su xuất khẩu đạt 126 nghìn tấn, trị giá 376 triệu USD, tăng 103% về lượng và tăng 62,4% về trị giá so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2011, tổng lượng xuất khẩu mặt hàng này của cả nước đạt 716 nghìn tấn, tăng 5,1%, trị giá đạt 2,89 tỷ USD, tăng 45% so với cùng kỳ năm 2010. Đơn giá bình quân xuất khẩu nhóm hàng này 11 tháng/2011 tăng 38% so với cùng kỳ năm 2010 và tính riêng yếu tố giá tăng đã làm cho kim ngạch xuất khẩu cao su tăng thêm 795 triệu USD, bằng 89% mức tăng kim ngạch của nhóm hàng này.

Biểu đồ 2: Lượng và trị giá xuất khẩu cao su năm 2010 và 11 tháng 2011



Trung Quốc vẫn là đối tác chính nhập khẩu cao su của Việt Nam trong 11 tháng qua với 438 nghìn tấn, tăng 8,4% và chiếm tới 61,1% lượng cao su xuất khẩu của cả nước. Tiếp theo là các thị trường: EU: 69,5 nghìn tấn, tăng 7,5%; Malaixia: 51,8 nghìn tấn, tăng 12%; Đài Loan: 30,4 nghìn tấn, tăng 5,6%;...

Gạo: Lượng gạo xuất khẩu của cả nước trong tháng 11 là 403 nghìn tấn, giảm 10,4% so với tháng trước và trị giá đạt 241 triệu USD, giảm 6,1%. Như vậy, tính đến hết tháng 11/2011, lượng gạo xuất khẩu của Việt Nam là 6,8 triệu tấn, tăng 6,3% so với cùng kỳ năm trước và trị giá đạt 3,46 tỷ USD, tăng 15,9%.

Trong 11 tháng qua, xuất khẩu gạo của Việt Nam sang thị trường Ấnônêxia đạt 1,73 triệu tấn, tăng gấp hơn 3 lần so với cùng kỳ năm 2010 và chiếm 25,4% tổng lượng gạo xuất khẩu của cả nước.

Xuất khẩu sang thị trường Philippin: 972 nghìn tấn, giảm 34%; sang Malaixia: 464 nghìn tấn, tăng 30,6%; sang Xênegan: 408 nghìn tấn, tăng 137%...so với 11 tháng/2010.

Cà phê: Lượng cà phê xuất khẩu trong tháng 11/2011 là 70,7 nghìn tấn, trị giá đạt 150 triệu USD, tăng 122,1% về lượng và tăng 108,9% về trị giá so với tháng trước. Tính đến hết 11 tháng/2011, lượng cà phê xuất khẩu của nước ta đạt gần 1,1 triệu tấn, trị giá đạt 2,43 tỷ USD, tăng 4,4% về lượng và tăng 55,5% về trị giá so với 11 tháng/2010.

Xuất khẩu cà phê của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài FDI 11 tháng/2011 đạt 348 nghìn tấn, tăng 11,2% so với cùng kỳ năm 2010. Tỷ trọng xuất khẩu cà phê của doanh nghiệp FDI ngày càng cao, cụ thể tỷ trọng bình quân giai đoạn 2006-2009 là 19,7%, đến năm 2010 con số này lên tới 28,6% và 11 tháng năm 2011 chiếm 31,6% trong tổng lượng xuất khẩu cà phê của cả nước.

Thị trường tiêu thụ cà phê lớn nhất của nước ta trong 11 tháng qua là EU: 431 nghìn tấn, tăng 2,4% và chiếm 49,2% tổng lượng xuất khẩu nhóm hàng này của cả nước; tiếp theo là Hoa Kỳ: 115 nghìn tấn, giảm 14,3%; Nhật Bản: 44,9 nghìn tấn, giảm 10%... so với 11 tháng/2010.

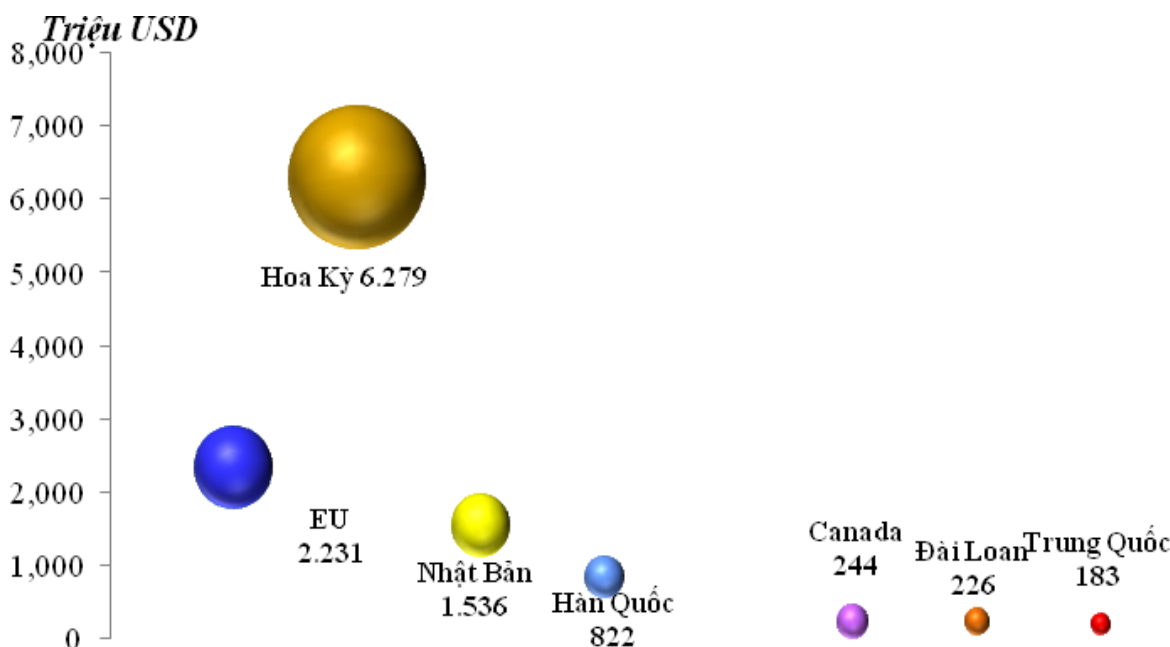
Dầu thô: Lượng xuất khẩu dầu thô trong tháng là 782 nghìn tấn, tăng 23,7% so với tháng trước và trị giá đạt 695 triệu USD, tăng 30,6%. Tính đến hết tháng 11/2011, lượng dầu thô xuất khẩu của nước ta đạt 7,68 triệu tấn, tăng 5,8% và kim ngạch đạt 6,76 tỷ USD, tăng 51,7% so với cùng kỳ năm 2010 (tương ứng tăng 2,3 tỷ USD), trong đó phần trị giá tăng do yếu tố giá tăng là 2,04 tỷ USD và do yếu tố lượng tăng là 260 triệu USD.

Than đá: Lượng xuất khẩu nhóm hàng này trong tháng 11/2011 đạt gần 2 triệu tấn, tăng 75,4% so với tháng trước và trị giá đạt 170 triệu USD, tăng 48,9%. Tính đến hết tháng 11/2011, lượng xuất khẩu than đá của cả nước đạt 15,5 triệu tấn, giảm 10% so với cùng kỳ năm 2010 và trị giá là 1,5 tỷ USD, tăng 7,4%.

Trong 11 tháng qua, Trung Quốc tiếp tục là đối tác lớn nhất nhập khẩu than đá của Việt Nam với 12,5 triệu tấn, giảm nhẹ 0,4% so với cùng kỳ năm trước, chiếm tới 78,8% tổng lượng xuất khẩu mặt hàng này của cả nước; tiếp theo là thị trường Hàn Quốc: 1,4 triệu tấn, giảm 12,8% và Nhật Bản: 1,24 triệu tấn, giảm 22,3%...

Hàng dệt may: Trong tháng 11, kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may đạt 1,17 tỷ USD, giảm 4,4% so với tháng trước, nâng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này trong 11 tháng/2011 lên 12,78 tỷ USD, tăng 27,5% so với cùng kỳ năm 2010. Trong đó: kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may sang thị trường Hoa Kỳ đạt 6,28 tỷ USD, tăng 13,6%; sang EU đạt 2,23 tỷ USD, tăng 38,3%; sang Nhật Bản đạt 1,54 tỷ USD, tăng 48,5% và sang Hàn Quốc: 822 triệu USD, tăng 116% so với 11 tháng/2010.

Biểu đồ 3: Kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam sang các thị trường 11 tháng/2011



Giày dép các loại: Tháng 11/2011, xuất khẩu nhóm hàng này vượt ngưỡng 650 triệu USD, tăng 19,8% so với tháng 10, nâng tổng trị giá xuất khẩu giày dép 11 tháng lên 5,84 tỷ USD, tăng 28,1% so với cùng kỳ năm 2010 và vượt 0,7% so với kế hoạch năm.

Trong đó, thị trường EU là 2,31 tỷ USD, tăng 15,5% và chiếm 39,5% kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này của cả nước. Tiếp theo là xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ đạt 1,72 tỷ USD, tăng 36,4%; sang Trung Quốc: 230 triệu USD, tăng 65,6%; sang Nhật Bản: 225 triệu USD, tăng 43,6%... so với cùng kỳ năm 2010.

Điện thoại các loại & linh kiện: Trị giá xuất khẩu nhóm hàng điện thoại các loại & linh kiện trong tháng 11/2011 đạt 985 triệu USD, giảm 2% so với tháng trước, nâng tổng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này trong 11 tháng lên 6,06 tỷ USD, tăng gấp 2 lần so với cùng kỳ năm trước.

Những đối tác chính nhập khẩu điện thoại các loại & linh kiện của Việt Nam trong 11 tháng qua là EU với 2,67 tỷ USD (11 tháng/2010 là 344 triệu USD), chiếm 44% tổng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này của cả nước. Tiếp theo là Hồng Kông: 502 triệu USD, tăng 46,9%; Nga: 498 triệu USD, tăng 120%; Ấn Độ: 331 triệu USD, tăng 51%... so với cùng kỳ năm 2010.

Máy móc, thiết bị, dụng cụ & phụ tùng: Trong tháng 11/2011, trị giá xuất khẩu nhóm hàng máy móc, thiết bị, dụng cụ & phụ tùng đạt 426 triệu USD, tăng 6,6% so với tháng 10, nâng tổng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này trong 11 tháng lên 3,68 tỷ USD, tăng 33,5% so với cùng kỳ năm 2010.

Tính đến hết tháng 11/2011, xuất khẩu sang Nhật Bản: 898 triệu USD, tăng 10,3%; sang Hoa Kỳ: 510 triệu USD, tăng 86,6%; sang EU: 388 triệu USD, tăng 59,3%; sang Trung Quốc: 255 triệu USD, tăng 14,1%; sang Ấn Độ: 231 triệu USD, tăng gấp 3 lần và sang Hồng Kông: 222 triệu USD, tăng 14,5% so với cùng kỳ năm trước.

Máy vi tính, sản phẩm điện tử & linh kiện: trị giá xuất khẩu nhóm hàng này trong tháng 11/2011 đạt 446 triệu USD, giảm 7% so với tháng trước, nâng tổng trị giá xuất khẩu trong 11 tháng lên 3,75 tỷ USD, tăng 16,1% so với cùng kỳ năm trước.

Các đối tác chính nhập khẩu máy vi tính, sản phẩm điện tử & linh kiện của Việt Nam trong 11 tháng qua là: EU với 730 triệu USD, tăng 19%; Trung Quốc: 591 triệu USD, tăng nhẹ 0,1%; Hoa Kỳ: 492 triệu USD, giảm 6,2%; Nhật Bản: 351 triệu USD, giảm 4,8% so với cùng kỳ năm trước.

Sản phẩm từ sắt thép: Kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này trong tháng đạt 115 triệu USD, nâng tổng kim ngạch xuất khẩu sản phẩm từ sắt thép 11 tháng/2011 lên 1,03 tỷ USD, tăng 103,1% so với 11 tháng/2010.

Các đối tác chính nhập khẩu sản phẩm từ sắt thép của nước ta trong 11 tháng qua chủ yếu là: Hoa Kỳ: 261 triệu USD, tăng 151,2%; EU: 213 triệu USD, tăng 21%; Nhật Bản: 112 triệu USD, tăng 29,7%; Campuchia: 77,1 triệu USD, tăng 40,1%;...so với cùng kỳ năm 2010.

III. Một số nhóm hàng nhập khẩu chính

Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng: Trong tháng, kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng này là 1,37 tỷ USD, tăng 13,9% so với tháng trước. Nâng tổng kim ngạch nhập khẩu 11 tháng năm 2011 lên 13,85 tỷ USD, tăng 13,4% so với cùng kỳ 2010 và là nhóm hàng dẫn đầu về kim ngạch nhập khẩu hàng hoá của Việt Nam. Trong đó, khu vực FDI nhập khẩu 5,98 tỷ USD, tăng 29,2% và các doanh nghiệp trong nước nhập khẩu 7,88 tỷ USD, tăng 2,6% so với 11 tháng năm 2010.

Nhóm hàng máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng nhập khẩu vào Việt Nam từ đầu năm đến nay có xuất xứ chủ yếu từ: Trung Quốc với 4,7 tỷ USD, tăng 18% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 33,9% tổng trị giá nhập khẩu nhóm hàng này của cả nước. Tiếp theo là Nhật Bản: 2,52 tỷ USD, tăng 10%; Hàn Quốc: 1,13 tỷ USD, tăng 15,5%; Đức: 954 triệu USD, tăng 15,4%; Đài Loan: 819 triệu USD, tăng 11,8%,...

Xăng dầu các loại: Tháng 11/2011, lượng xăng dầu nhập khẩu của cả nước là 795 nghìn tấn, tăng 3,3% so với tháng trước, trị giá là 776 triệu USD, tăng 7,7%. Mặc dù vậy, lượng và trị giá xuất khẩu nhóm hàng này trong tháng vẫn thấp hơn so với mức bình quân của 11 tháng/2011 (lượng : 905 nghìn tấn/tháng, trị giá: 837 triệu USD/tháng).

Hết 11 tháng/2011, tổng lượng xăng dầu nhập khẩu của cả nước là 9,95 triệu tấn, tăng 13,6% so với cùng kỳ năm 2010 với trị giá là 9,2 tỷ USD, tăng 67,2%.

Bảng 2: Chi tiết nhập khẩu các mặt hàng xăng dầu 11 tháng năm 2011

| Tên hàng | 11T/ 2011 | | | Tăng giảm so với 11T/2010 | | |
|------------------|----------------------|------------------------|----------------------|---------------------------|----------------|----------------|
| | Lượng (nghìn tấn) | Trị giá (triệu USD) | Đơn giá (USD/tấn) | Lượng (%) | Trị giá (%) | Đơn giá (%) |
| Xăng | 2.679 | 2.732 | 1.020 | 47,3 | 114 | 45,5 |
| Dầu DO | 5.038 | 4.712 | 936 | 14,2 | 65 | 44,3 |
| Dầu FO | 1.369 | 880 | 642 | -19,2 | 14 | 41,2 |
| Nhiên liệu bay | 852 | 865 | 1.016 | 12,5 | 58 | 40,6 |
| Dầu hoả | 14 | 13 | 951 | -47,2 | -21 | 49,0 |
| Tổng cộng | 9.952 | 9.202 | | 13,6 | 67,2 | |

So với cùng kỳ năm trước, đơn giá nhập khẩu bình quân các mặt hàng xăng dầu tăng rất cao từ 40% đến 49%. Giá nhập khẩu bình quân tăng cao đã làm trị giá nhập khẩu nhóm hàng này tăng mạnh, trong tổng số gần 3,7 tỷ USD tăng lên của xăng dầu nhập khẩu thì phần tăng do giá tăng là 2,95 tỷ USD và phần tăng do lượng tăng là 750 triệu USD.

Xăng dầu các loại nhập khẩu vào Việt Nam trong 11 tháng qua chủ yếu có xuất xứ từ: Singapore với 4,15 triệu tấn, tăng 31,3%; Đài Loan: 1,3 triệu tấn, tăng 30,6%; Trung Quốc: 1,2 triệu tấn, giảm 14,6%; Hàn Quốc: hơn 1 triệu tấn, giảm 4,9%;....

Điện thoại các loại và linh kiện: Nhập khẩu nhóm hàng này trong tháng là 327 triệu USD, tăng 24% so với tháng trước và nâng kim ngạch nhóm này trong 11 tháng/2011 lên 2,3 tỷ USD, tăng mạnh 74% so với cùng kỳ năm trước. Nhập khẩu nhóm hàng này chủ yếu từ Trung Quốc với trị giá là 1,54 tỷ USD, tăng 63% và Hàn Quốc với trị giá là 684 triệu USD, tăng 128%. Kim ngạch nhập khẩu từ 2 thị trường này chiếm tới 96,7% tổng kim ngạch nhập khẩu của cả nước.

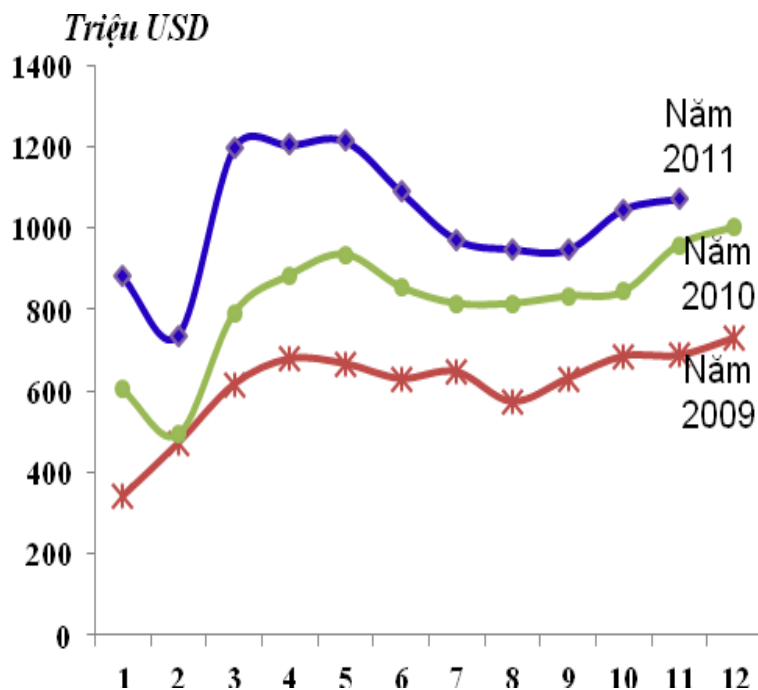
Trong đó, kim ngạch theo loại hình kinh doanh để sử dụng trong nước là 873 triệu USD, phần cho sản xuất hàng xuất khẩu và gia công cho xuất khẩu là 1,36 tỷ USD.

Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện: Kim ngạch nhập khẩu trong tháng là 815 triệu USD, giảm 1,2% so với tháng trước, nâng tổng trị giá nhập khẩu nhóm hàng này 11 tháng/2011 lên 6,5 tỷ USD, tăng 39,4% so với cùng kỳ năm 2010. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nhập khẩu 5,2 tỷ USD, tăng 51,7% so với 11 tháng/2010 và chiếm 80,1% tổng trị giá nhập khẩu của cả nước; các doanh nghiệp trong nước nhập khẩu 1,3 tỷ USD, tăng 5% so với 11 tháng/2010.

Nhập khẩu nhóm hàng này chủ yếu có xuất xứ từ Trung Quốc: 2,03 tỷ USD, tăng 36,4% và chiếm 31,3% tổng kim ngạch nhập khẩu của cả nước; Hàn Quốc: 1,6 tỷ USD, tăng 95,4% và chiếm tỷ trọng 24,6%; Nhật Bản: 990 triệu USD, tăng 5%; Malaixia: 430 triệu USD, tăng 33,9%; Singapore: 376 triệu USD, tăng 77,1% so với cùng kỳ năm 2010...

Nguyên liệu, phụ liệu ngành dệt may, da, giày: Tháng 11/2011, nhập khẩu nhóm hàng này là 1,07 tỷ USD, tăng 5,3% so với tháng trước. Tính đến hết 11 tháng 2011, trị giá nhập khẩu nhóm hàng này là 11,31 tỷ USD, tăng 35,6% so với cùng kỳ năm 2010 (cao hơn mức tăng 30,5% của xuất khẩu sản phẩm dệt may và giày dép).

Biểu đồ 4: nhập khẩu nguyên liệu, phụ liệu ngành dệt, may, da, giày từ năm 2009- 11 tháng/2011



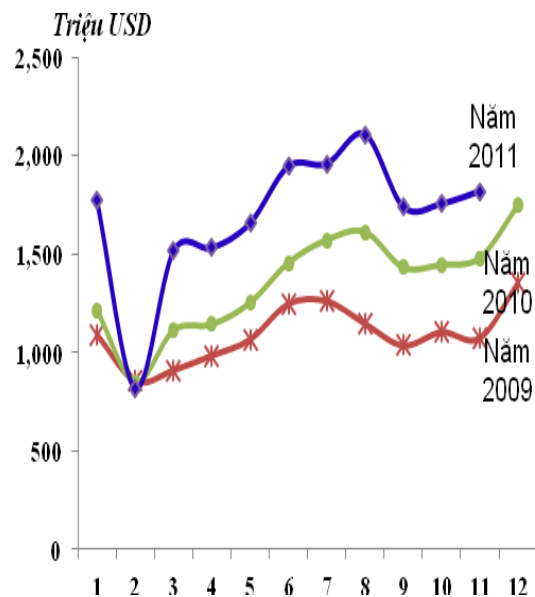
Trong 11 tháng/2011, Việt Nam nhập khẩu nhóm mặt hàng này chủ yếu từ: Trung Quốc với 3,65 tỷ USD, tăng 29,4% so với cùng kỳ năm 2010; Hàn Quốc: 1,92 tỷ USD, tăng 23,6%; Đài Loan: 1,87 tỷ USD, tăng 20,2%; Hoa Kỳ: 709 triệu USD, tăng hơn 87%; Nhật Bản: 661 triệu USD, tăng 45,7%;...

Sắt thép các loại:

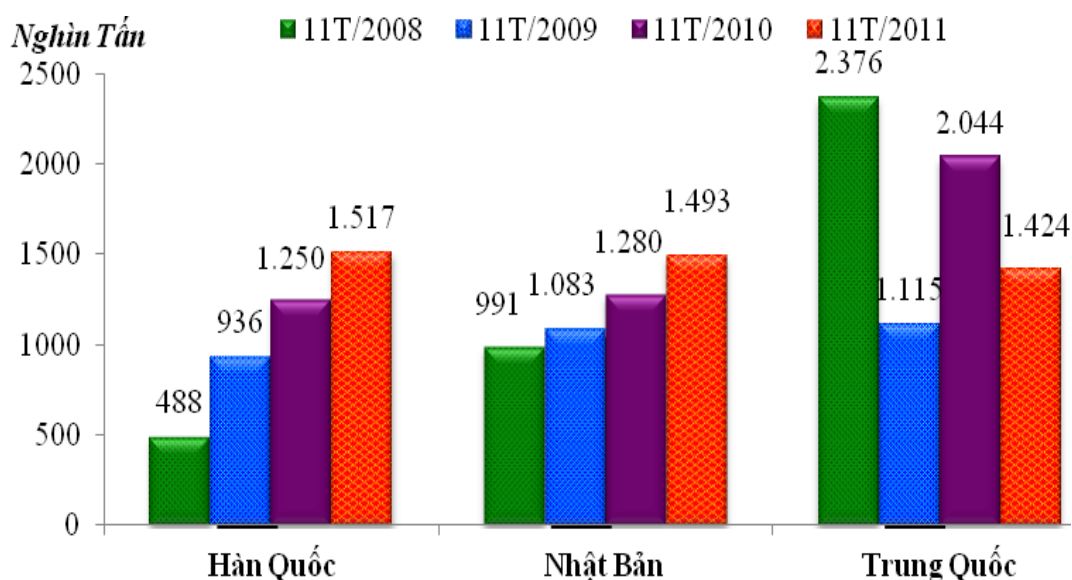
, trị giá nhập khẩu là 588 triệu USD, tăng 6,6%.

Tính đến hết 11 tháng/2011, tổng lượng nhập khẩu sắt thép của Việt Nam là 6,6 triệu tấn, giảm 18,7% nhưng do đơn giá bình quân so với cùng kỳ tăng cao (25,6%) nên kim ngạch là 5,75 tỷ USD, tăng 2%.

Biểu đồ 5: xuất khẩu sản phẩm dệt may và giày dép từ năm 2009- 11 tháng/2011



**Biểu đồ 6 : Lượng nhập khẩu sắt thép từ 3 thị trường chính
11 tháng giai đoạn 2008-2011**



11 : Hàn Quốc với 1,52 triệu tấn, tăng 21,9% so với cùng kỳ năm 2010; Nhật Bản với 1,5 triệu tấn, tăng 17,6%; Trung Quốc: 1,42 triệu tấn, giảm 29,9 : 718 , tăng 14,4%;...

Phế liệu sắt thép: Trong tháng nhập khẩu 224 nghìn tấn, tăng 104,8% so với tháng trước, trị giá nhập khẩu là 108 triệu USD, tăng 109,3%. Như vậy, lượng nhập khẩu phế liệu sắt thép trong 11 tháng 2011 là 2,16 triệu tấn, giảm 1,7% so với cùng kỳ năm trước và đạt trị giá là 993 triệu USD, tăng 17,9%.

Nhập khẩu nhóm hàng này trong 11 tháng qua chủ yếu có xuất xứ từ: Hoa Kỳ: 439 nghìn tấn, giảm 26%; Ôxtrâyli: 172 nghìn tấn, giảm 35,7%; Nam phi: 119 nghìn tấn, giảm 18,2%; Chilê: 105 nghìn tấn, tăng gấp gần 3 lần ...so với cùng kỳ năm 2010.

Ô tô nguyên chiếc: , giảm 16,5%, trong đó ô tô dưới 9 chỗ ngồi nhập khẩu 1,62 nghìn chiếc, giảm 11,9%; ô tô tải nhập khẩu 849 chiếc, giảm 22,7%;...Tính đến hết 11 tháng/2011, cả nước nhập khẩu gần 51 nghìn chiếc, trong đó xe dưới 9 chỗ là 32,8 nghìn chiếc, tăng 7.9%; ô tô tải là gần 15 nghìn chiếc, tăng 18,2%; ô tô loại khác là 3,2 nghìn chiếc, giảm 23,5% so với 11 tháng/2010.

23

, giảm 7,8 2010. Trong , giảm nhẹ 0,7% và chiếm 71,5% lượng xe nhập khẩu từ thị trường này. Tiếp theo là thị trường Thái Lan: 5,3 nghìn chiếc, tăng 116%; Trung Quốc: 5,1 nghìn chiếc, tăng 37,8%; Nhật Bản: 4,4 nghìn chiếc, giảm 7,2%;...so với cùng kỳ năm 2010.

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU CỦA VIỆT NAM THÁNG 11 VÀ 11 THÁNG NĂM 2011

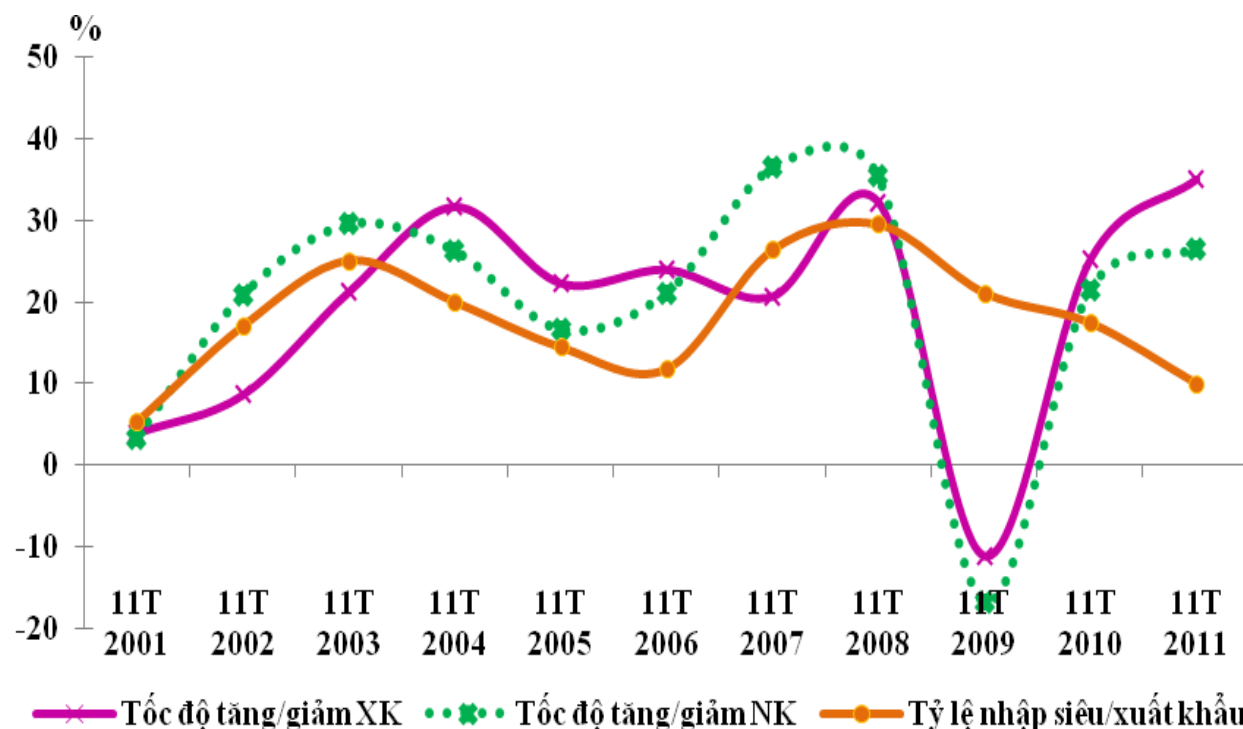
Số liệu thống kê Hải quan Việt Nam - 13/12/2011 2:00 PM

I. Đánh giá chung

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá của cả nước trong tháng 11/2011 đạt 18,27 tỷ USD, tăng 4,2% so với tháng trước đó và tăng tới 23,8% so với tháng 11/2010. Trong đó kim ngạch xuất khẩu đạt 8,85 tỷ USD, tăng 5,5 % so với tháng 10/2011; nhập khẩu là 9,42 tỷ USD, tăng 3%. Nhập siêu trong tháng là 567 triệu USD, giảm 24,3% so với tháng trước và bằng 6,4% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước.

Như vậy, tính đến hết tháng 11 năm 2011 tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của cả nước đạt 183,53 tỷ USD, tăng 30,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, trị giá hàng hoá xuất khẩu đạt 87,36 tỷ USD, tăng 35% và thực hiện vượt 10% mức kế hoạch năm; trị giá nhập khẩu là 96,17 tỷ USD, tăng 26,5% và vượt 2,9% kế hoạch năm.

**Biểu đồ 1: Tốc độ tăng/giảm xuất khẩu, nhập khẩu
và tỷ lệ nhập siêu/xuất khẩu 11 tháng các năm 2001- 2011**



Cán cân thương mại hàng hoá 11 tháng thâm hụt gần 8,82 tỷ USD, bằng 10,1% kim ngạch xuất khẩu và là tỷ lệ nhập siêu/xuất khẩu thấp nhất kể từ năm 2002.

Tính đến hết tháng 11/ 2011, tổng trị giá xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI

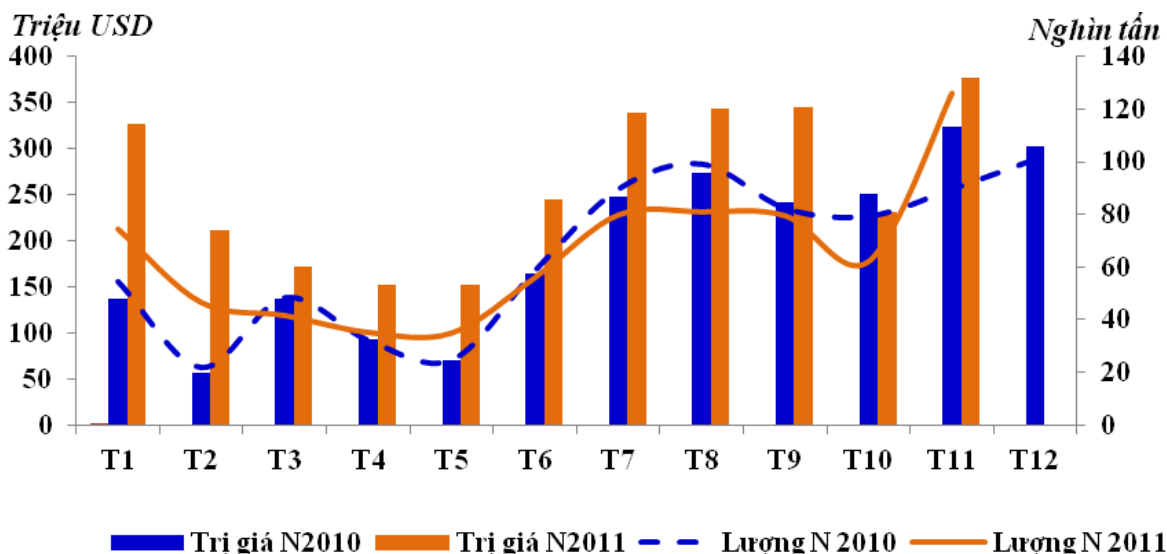
45% tổng kim ngạch nhập khẩu của cả nước 11 tháng /2011.

II. Một số nhóm hàng xuất khẩu chính

Hàng thủy sản: Tháng 11/2011, kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam đạt 582 triệu USD, giảm 3,7% so với tháng trước, nâng tổng kim ngạch xuất khẩu trong 11 tháng/2011 lên 5,53 tỷ USD, tăng 22,8% so với cùng kỳ năm 2010. Trong đó, xuất sang EU đạt 1,26 tỷ USD, tăng 16,3%; Hoa Kỳ đạt 1,05 tỷ USD, tăng 21,5%; Nhật Bản đạt 916 triệu USD, tăng 13,2% và Hàn Quốc đạt 446 triệu USD, tăng 32,3%. Bên cạnh đó, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam cũng tăng mạnh sang ASEAN, với kim ngạch 287 triệu USD (tăng 49%) và đặc biệt xuất khẩu sang thị trường Braxin tăng 161% (đạt 75,9 triệu USD) .

Cao su: Tháng 11/2011, lượng cao su xuất khẩu đạt 126 nghìn tấn, trị giá 376 triệu USD, tăng 103% về lượng và tăng 62,4% về trị giá so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2011, tổng lượng xuất khẩu mặt hàng này của cả nước đạt 716 nghìn tấn, tăng 5,1%, trị giá đạt 2,89 tỷ USD, tăng 45% so với cùng kỳ năm 2010. Đơn giá bình quân xuất khẩu nhóm hàng này 11 tháng/2011 tăng 38% so với cùng kỳ năm 2010 và tính riêng yếu tố giá tăng đã làm cho kim ngạch xuất khẩu cao su tăng thêm 795 triệu USD, bằng 89% mức tăng kim ngạch của nhóm hàng này.

Biểu đồ 2: Lượng và trị giá xuất khẩu cao su năm 2010 và 11 tháng 2011



Trung Quốc vẫn là đối tác chính nhập khẩu cao su của Việt Nam trong 11 tháng qua với 438 nghìn tấn, tăng 8,4% và chiếm tới 61,1% lượng cao su xuất khẩu của cả nước. Tiếp theo là các thị trường: EU: 69,5 nghìn tấn, tăng 7,5%; Malaixia: 51,8 nghìn tấn, tăng 12%; Đài Loan: 30,4 nghìn tấn, tăng 5,6%;...

Gạo: Lượng gạo xuất khẩu của cả nước trong tháng 11 là 403 nghìn tấn, giảm 10,4% so với tháng trước và trị giá đạt 241 triệu USD, giảm 6,1%. Như vậy, tính đến hết tháng 11/2011, lượng gạo xuất khẩu của Việt Nam là 6,8 triệu tấn, tăng 6,3% so với cùng kỳ năm trước và trị giá đạt 3,46 tỷ USD, tăng 15,9%.

Trong 11 tháng qua, xuất khẩu gạo của Việt Nam sang thị trường Ấnônêxia đạt 1,73 triệu tấn, tăng gấp hơn 3 lần so với cùng kỳ năm 2010 và chiếm 25,4% tổng lượng gạo xuất khẩu của cả nước. Xuất khẩu sang thị trường Philippin: 972 nghìn tấn, giảm 34%; sang Malaixia: 464 nghìn tấn, tăng 30,6%; sang Xênegan: 408 nghìn tấn, tăng 137%...so với 11 tháng/2010.

Cà phê: Lượng cà phê xuất khẩu trong tháng 11/2011 là 70,7 nghìn tấn, trị giá đạt 150 triệu USD, tăng 122,1% về lượng và tăng 108,9% về trị giá so với tháng trước. Tính đến hết 11 tháng/2011, lượng cà phê xuất khẩu của nước ta đạt gần 1,1 triệu tấn, trị giá đạt 2,43 tỷ USD, tăng 4,4% về lượng và tăng 55,5% về trị giá so với 11 tháng/2010.

Xuất khẩu cà phê của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài FDI 11 tháng/2011 đạt 348 nghìn tấn, tăng 11,2% so với cùng kỳ năm 2010. Tỷ trọng xuất khẩu cà phê của doanh nghiệp FDI ngày càng cao, cụ thể tỷ trọng bình quân giai đoạn 2006-2009 là 19,7%, đến năm 2010 con số này lên tới 28,6% và 11 tháng năm 2011 chiếm 31,6% trong tổng lượng xuất khẩu cà phê của cả nước.

Thị trường tiêu thụ cà phê lớn nhất của nước ta trong 11 tháng qua là EU: 431 nghìn tấn, tăng 2,4% và chiếm 49,2% tổng lượng xuất khẩu nhóm hàng này của cả nước; tiếp theo là Hoa Kỳ: 115 nghìn tấn, giảm 14,3%; Nhật Bản: 44,9 nghìn tấn, giảm 10%... so với 11 tháng/2010.

Dầu thô: Lượng xuất khẩu dầu thô trong tháng là 782 nghìn tấn, tăng 23,7% so với tháng trước và trị giá đạt 695 triệu USD, tăng 30,6%. Tính đến hết tháng 11/2011, lượng dầu thô xuất khẩu của nước ta đạt 7,68 triệu tấn, tăng 5,8% và kim ngạch đạt 6,76 tỷ USD, tăng 51,7% so với cùng kỳ năm 2010

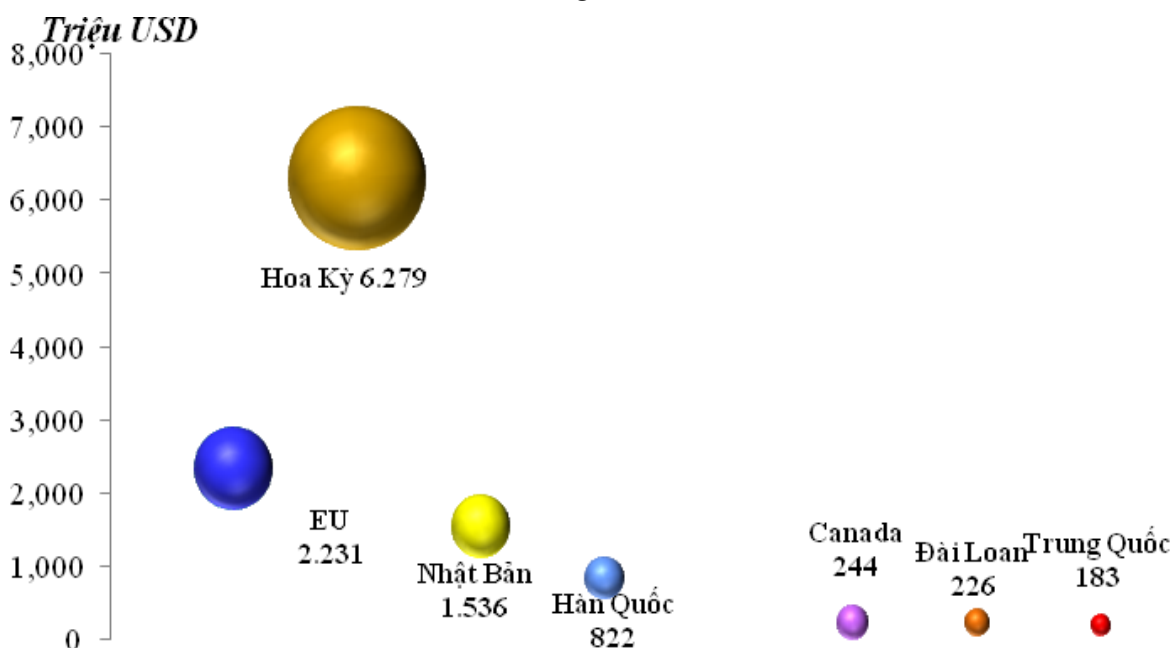
(tương ứng tăng 2,3 tỷ USD), trong đó phần trị giá tăng do yếu tố giá tăng là 2,04 tỷ USD và do yếu tố lượng tăng là 260 triệu USD.

Than đá: Lượng xuất khẩu nhóm hàng này trong tháng 11/2011 đạt gần 2 triệu tấn, tăng 75,4% so với tháng trước và trị giá đạt 170 triệu USD, tăng 48,9%. Tính đến hết tháng 11/2011, lượng xuất khẩu than đá của cả nước đạt 15,5 triệu tấn, giảm 10% so với cùng kỳ năm 2010 và trị giá là 1,5 tỷ USD, tăng 7,4%.

Trong 11 tháng qua, Trung Quốc tiếp tục là đối tác lớn nhất nhập khẩu than đá của Việt Nam với 12,5 triệu tấn, giảm nhẹ 0,4% so với cùng kỳ năm trước, chiếm tới 78,8% tổng lượng xuất khẩu mặt hàng này của cả nước; tiếp theo là thị trường Hàn Quốc: 1,4 triệu tấn, giảm 12,8% và Nhật Bản: 1,24 triệu tấn, giảm 22,3%...

Hàng dệt may: Trong tháng 11, kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may đạt 1,17 tỷ USD, giảm 4,4% so với tháng trước, nâng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này trong 11 tháng/2011 lên 12,78 tỷ USD, tăng 27,5% so với cùng kỳ năm 2010. Trong đó: kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may sang thị trường Hoa Kỳ đạt 6,28 tỷ USD, tăng 13,6%; sang EU đạt 2,23 tỷ USD, tăng 38,3%; sang Nhật Bản đạt 1,54 tỷ USD, tăng 48,5% và sang Hàn Quốc: 822 triệu USD, tăng 116% so với 11 tháng/2010.

Biểu đồ 3: Kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam sang các thị trường 11 tháng/2011



Giày dép các loại: Tháng 11/2011, xuất khẩu nhóm hàng này vượt ngưỡng 650 triệu USD, tăng 19,8% so với tháng 10, nâng tổng trị giá xuất khẩu giày dép 11 tháng lên 5,84 tỷ USD, tăng 28,1% so với cùng kỳ năm 2010 và vượt 0,7% so với kế hoạch năm.

Trong đó, thị trường EU là 2,31 tỷ USD, tăng 15,5% và chiếm 39,5% kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này của cả nước. Tiếp theo là xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ đạt 1,72 tỷ USD, tăng 36,4%; sang Trung Quốc: 230 triệu USD, tăng 65,6%; sang Nhật Bản: 225 triệu USD, tăng 43,6%... so với cùng kỳ năm 2010.

Điện thoại các loại & linh kiện: Trị giá xuất khẩu nhóm hàng điện thoại các loại & linh kiện trong tháng 11/2011 đạt 985 triệu USD, giảm 2% so với tháng trước, nâng tổng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này trong 11 tháng lên 6,06 tỷ USD, tăng gấp 2 lần so với cùng kỳ năm trước.

Những đối tác chính nhập khẩu điện thoại các loại & linh kiện của Việt Nam trong 11 tháng qua là EU với 2,67 tỷ USD (11 tháng/2010 là 344 triệu USD), chiếm 44% tổng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này của cả nước. Tiếp theo là Hồng Kông: 502 triệu USD, tăng 46,9%; Nga: 498 triệu USD, tăng 120%; Ấn Độ: 331 triệu USD, tăng 51%... so với cùng kỳ năm 2010.

Máy móc, thiết bị, dụng cụ & phụ tùng: Trong tháng 11/2011, trị giá xuất khẩu nhóm hàng máy móc, thiết bị, dụng cụ & phụ tùng đạt 426 triệu USD, tăng 6,6% so với tháng 10, nâng tổng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này trong 11 tháng lên 3,68 tỷ USD, tăng 33,5% so với cùng kỳ năm 2010.

Tính đến hết tháng 11/2011, xuất khẩu sang Nhật Bản: 898 triệu USD, tăng 10,3%; sang Hoa Kỳ: 510 triệu USD, tăng 86,6%; sang EU: 388 triệu USD, tăng 59,3%; sang Trung Quốc: 255 triệu USD, tăng 14,1%; sang Ấn Độ: 231 triệu USD, tăng gấp 3 lần và sang Hồng Kông: 222 triệu USD, tăng 14,5% so với cùng kỳ năm trước.

Máy vi tính, sản phẩm điện tử & linh kiện: trị giá xuất khẩu nhóm hàng này trong tháng 11/2011 đạt 446 triệu USD, giảm 7% so với tháng trước, nâng tổng trị giá xuất khẩu trong 11 tháng lên 3,75 tỷ USD, tăng 16,1% so với cùng kỳ năm trước.

Các đối tác chính nhập khẩu máy vi tính, sản phẩm điện tử & linh kiện của Việt Nam trong 11 tháng qua là: EU với 730 triệu USD, tăng 19%; Trung Quốc: 591 triệu USD, tăng nhẹ 0,1%; Hoa Kỳ: 492 triệu USD, giảm 6,2%; Nhật Bản: 351 triệu USD, giảm 4,8% so với cùng kỳ năm trước.

Sản phẩm từ sắt thép: Kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này trong tháng đạt 115 triệu USD, nâng tổng kim ngạch xuất khẩu sản phẩm từ sắt thép 11 tháng/2011 lên 1,03 tỷ USD, tăng 103,1% so với 11 tháng/2010.

Các đối tác chính nhập khẩu sản phẩm từ sắt thép của nước ta trong 11 tháng qua chủ yếu là: Hoa Kỳ: 261 triệu USD, tăng 151,2%; EU: 213 triệu USD, tăng 21%; Nhật Bản: 112 triệu USD, tăng 29,7%; Campuchia: 77,1 triệu USD, tăng 40,1%;...so với cùng kỳ năm 2010.

III. Một số nhóm hàng nhập khẩu chính

Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng: Trong tháng, kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng này là 1,37 tỷ USD, tăng 13,9% so với tháng trước. Nâng tổng kim ngạch nhập khẩu 11 tháng năm 2011 lên 13,85 tỷ USD, tăng 13,4% so với cùng kỳ 2010 và là nhóm hàng dẫn đầu về kim ngạch nhập khẩu hàng hoá của Việt Nam. Trong đó, khu vực FDI nhập khẩu 5,98 tỷ USD, tăng 29,2% và các doanh nghiệp trong nước nhập khẩu 7,88 tỷ USD, tăng 2,6% so với 11 tháng năm 2010.

Nhóm hàng máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng nhập khẩu vào Việt Nam từ đầu năm đến nay có xuất xứ chủ yếu từ: Trung Quốc với 4,7 tỷ USD, tăng 18% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 33,9% tổng trị giá nhập khẩu nhóm hàng này của cả nước. Tiếp theo là Nhật Bản: 2,52 tỷ USD, tăng 10%; Hàn Quốc: 1,13 tỷ USD, tăng 15,5%; Đức: 954 triệu USD, tăng 15,4%; Đài Loan: 819 triệu USD, tăng 11,8%,...

Xăng dầu các loại: Tháng 11/2011, lượng xăng dầu nhập khẩu của cả nước là 795 nghìn tấn, tăng 3,3% so với tháng trước, trị giá là 776 triệu USD, tăng 7,7%. Mặc dù vậy, lượng và trị giá xuất khẩu nhóm hàng này trong tháng vẫn thấp hơn so với mức bình quân của 11 tháng/2011 (lượng : 905 nghìn tấn/tháng, trị giá: 837 triệu USD/tháng).

Hết 11 tháng/2011, tổng lượng xăng dầu nhập khẩu của cả nước là 9,95 triệu tấn, tăng 13,6% so với cùng kỳ năm 2010 với trị giá là 9,2 tỷ USD, tăng 67,2%.

Bảng 2: Chi tiết nhập khẩu các mặt hàng xăng dầu 11 tháng năm 2011

| Tên hàng | 11T/ 2011 | | | Tăng giảm so với 11T/2010 | | |
|----------|----------------------|------------------------|----------------------|---------------------------|----------------|----------------|
| | Lượng (nghìn tấn) | Trị giá (triệu USD) | Đơn giá (USD/tấn) | Lượng (%) | Trị giá (%) | Đơn giá (%) |
| Xăng | 2.679 | 2.732 | 1.020 | 47,3 | 114 | 45,5 |
| Dầu DO | 5.038 | 4.712 | 936 | 14,2 | 65 | 44,3 |
| Dầu FO | 1.369 | 880 | 642 | -19,2 | 14 | 41,2 |

| | | | | | | |
|------------------|--------------|--------------|-------|-------------|-------------|------|
| Nhiên liệu bay | 852 | 865 | 1.016 | 12,5 | 58 | 40,6 |
| Dầu hoả | 14 | 13 | 951 | -47,2 | -21 | 49,0 |
| Tổng cộng | 9.952 | 9.202 | | 13,6 | 67,2 | |

So với cùng kỳ năm trước, đơn giá nhập khẩu bình quân các mặt hàng xăng dầu tăng rất cao từ 40% đến 49%. Giá nhập khẩu bình quân tăng cao đã làm trị giá nhập khẩu nhóm hàng này tăng mạnh, trong tổng số gần 3,7 tỷ USD tăng lên của xăng dầu nhập khẩu thì phần tăng do giá tăng là 2,95 tỷ USD và phần tăng do lượng tăng là 750 triệu USD.

Xăng dầu các loại nhập khẩu vào Việt Nam trong 11 tháng qua chủ yếu có xuất xứ từ: Singapore với 4,15 triệu tấn, tăng 31,3%; Đài Loan: 1,3 triệu tấn, tăng 30,6%; Trung Quốc: 1,2 triệu tấn, giảm 14,6%; Hàn Quốc: hơn 1 triệu tấn, giảm 4,9%;....

Điện thoại các loại và linh kiện: Nhập khẩu nhóm hàng này trong tháng là 327 triệu USD, tăng 24% so với tháng trước và nâng kim ngạch nhóm này trong 11 tháng/2011 lên 2,3 tỷ USD, tăng mạnh 74% so với cùng kỳ năm trước. Nhập khẩu nhóm hàng này chủ yếu từ Trung Quốc với trị giá là 1,54 tỷ USD, tăng 63% và Hàn Quốc với trị giá là 684 triệu USD, tăng 128%. Kim ngạch nhập khẩu từ 2 thị trường này chiếm tới 96,7% tổng kim ngạch nhập khẩu của cả nước.

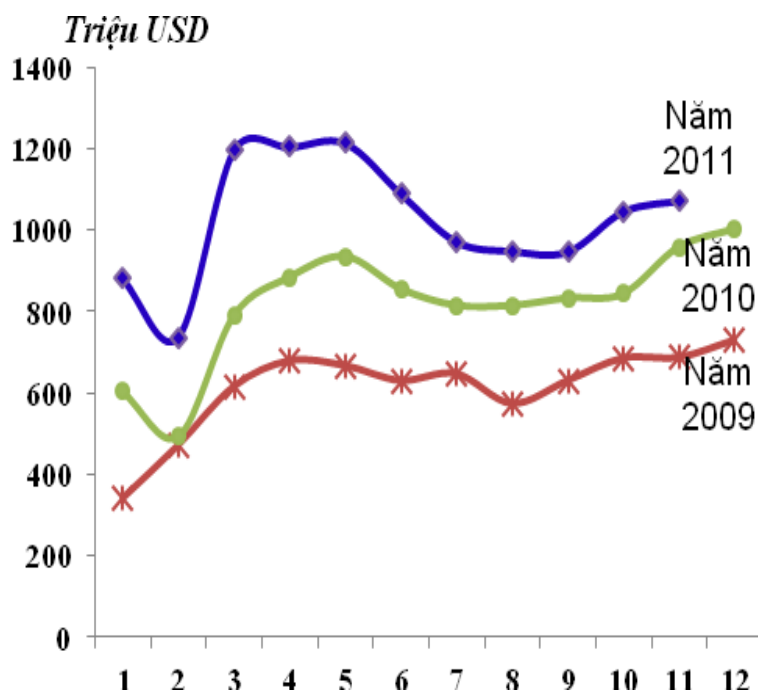
Trong đó, kim ngạch theo loại hình kinh doanh để sử dụng trong nước là 873 triệu USD, phần cho sản xuất hàng xuất khẩu và gia công cho xuất khẩu là 1,36 tỷ USD.

Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện: Kim ngạch nhập khẩu trong tháng là 815 triệu USD, giảm 1,2% so với tháng trước, nâng tổng trị giá nhập khẩu nhóm hàng này 11 tháng/2011 lên 6,5 tỷ USD, tăng 39,4% so với cùng kỳ năm 2010. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nhập khẩu 5,2 tỷ USD, tăng 51,7% so với 11 tháng/2010 và chiếm 80,1% tổng trị giá nhập khẩu của cả nước; các doanh nghiệp trong nước nhập khẩu 1,3 tỷ USD, tăng 5% so với 11 tháng/2010.

Nhập khẩu nhóm hàng này chủ yếu có xuất xứ từ Trung Quốc: 2,03 tỷ USD, tăng 36,4% và chiếm 31,3% tổng kim ngạch nhập khẩu của cả nước; Hàn Quốc: 1,6 tỷ USD, tăng 95,4% và chiếm tỷ trọng 24,6%; Nhật Bản: 990 triệu USD, tăng 5%; Malaixia: 430 triệu USD, tăng 33,9%; Singapore: 376 triệu USD, tăng 77,1% so với cùng kỳ năm 2010...

Nguyên liệu, phụ liệu ngành dệt may, da, giày: Tháng 11/2011, nhập khẩu nhóm hàng này là 1,07 tỷ USD, tăng 5,3% so với tháng trước. Tính đến hết 11 tháng 2011, trị giá nhập khẩu nhóm hàng này là 11,31 tỷ USD, tăng 35,6% so với cùng kỳ năm 2010 (cao hơn mức tăng 30,5% của xuất khẩu sản phẩm dệt may và giày dép).

Biểu đồ 4: nhập khẩu nguyên liệu, phụ liệu ngành dệt, may, da, giày từ năm 2009- 11 tháng/2011



Trong 11 tháng/2011, Việt Nam nhập khẩu nhóm mặt hàng này chủ yếu từ: Trung Quốc với 3,65 tỷ USD, tăng 29,4% so với cùng kỳ năm 2010; Hàn Quốc: 1,92 tỷ USD, tăng 23,6%; Đài Loan: 1,87 tỷ USD, tăng 20,2%; Hoa Kỳ: 709 triệu USD, tăng hơn 87%; Nhật Bản: 661 triệu USD, tăng 45,7%;...

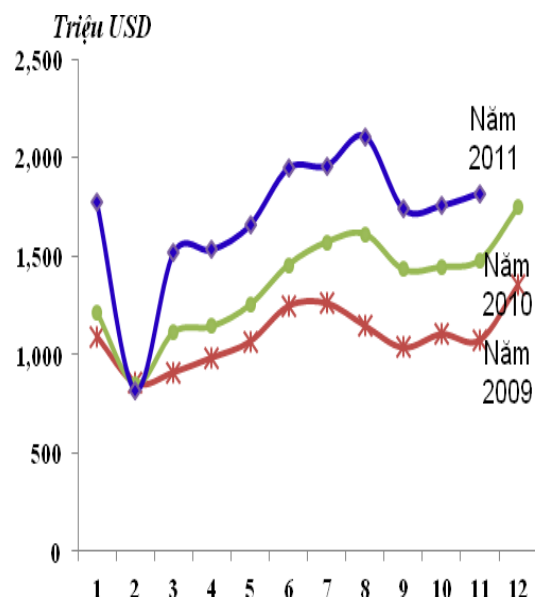
Sắt thép các loại:

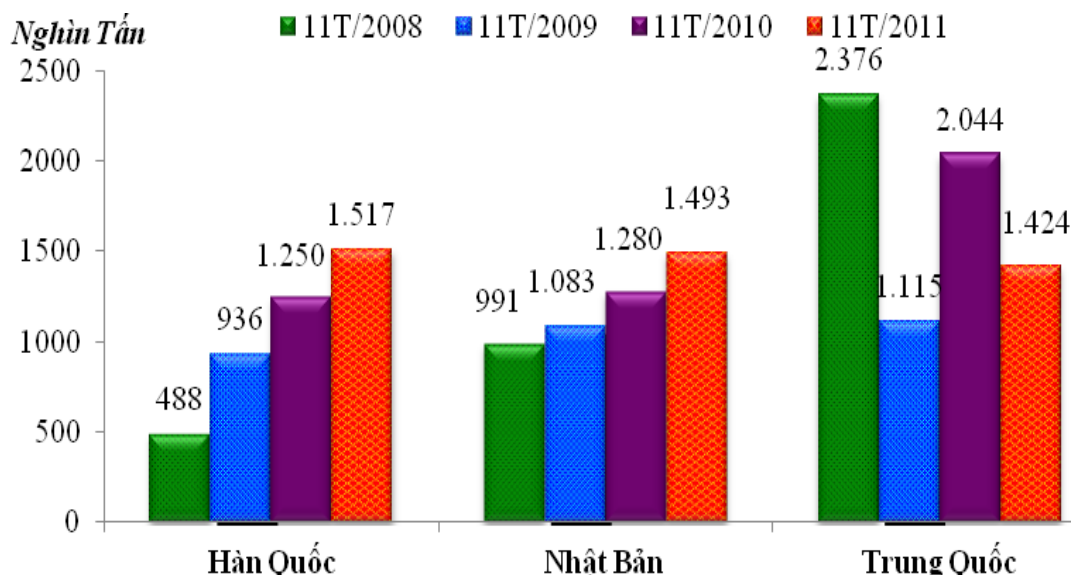
, trị giá nhập khẩu là 588 triệu USD, tăng 6,6%.

Tính đến hết 11 tháng/2011, tổng lượng nhập khẩu sắt thép của Việt Nam là 6,6 triệu tấn, giảm 18,7% nhưng do đơn giá bình quân so với cùng kỳ tăng cao (25,6%) nên kim ngạch là 5,75 tỷ USD, tăng 2%.

**Biểu đồ 6 : Lượng nhập khẩu sắt thép từ 3 thị trường chính
11 tháng giai đoạn 2008-2011**

Biểu đồ 5: xuất khẩu sản phẩm dệt may và giày dép từ năm 2009- 11 tháng/2011





tấn, tăng 21,9% so với cùng kỳ năm 2010; Nhật Bản với 1,5 triệu tấn, tăng 17,6%; Trung Quốc: 1,42 triệu tấn, giảm 29,9% so với cùng kỳ năm 2010; Hàn Quốc với 1,52 triệu tấn, tăng 14,4%;...

Phế liệu sắt thép: Trong tháng nhập khẩu 224 nghìn tấn, tăng 104,8% so với tháng trước, trị giá nhập khẩu là 108 triệu USD, tăng 109,3%. Như vậy, lượng nhập khẩu phế liệu sắt thép trong 11 tháng 2011 là 2,16 triệu tấn, giảm 1,7% so với cùng kỳ năm trước và đạt trị giá là 993 triệu USD, tăng 17,9%.

Nhập khẩu nhóm hàng này trong 11 tháng qua chủ yếu có xuất xứ từ: Hoa Kỳ: 439 nghìn tấn, giảm 26%; Ôxtrâyliá: 172 nghìn tấn, giảm 35,7%; Nam phi: 119 nghìn tấn, giảm 18,2%; Chilê: 105 nghìn tấn, tăng gấp gần 3 lần ...so với cùng kỳ năm 2010.

Ô tô nguyên chiếc: Trong tháng nhập khẩu 1.62 nghìn chiếc, giảm 11,9%; ô tô tải nhập khẩu 849 chiếc, giảm 22,7%;...Tính đến hết 11 tháng/2011, cả nước nhập khẩu gần 51 nghìn chiếc, trong đó xe dưới 9 chỗ là 32,8 nghìn chiếc, tăng 7,9%; ô tô tải là gần 15 nghìn chiếc, tăng 18,2%; ô tô loại khác là 3,2 nghìn chiếc, giảm 23,5% so với 11 tháng/2010.

Trong tháng nhập khẩu 1.62 nghìn chiếc, giảm 11,9%; ô tô tải nhập khẩu 849 chiếc, giảm 22,7%;...Tính đến hết 11 tháng/2011, cả nước nhập khẩu gần 51 nghìn chiếc, trong đó xe dưới 9 chỗ là 32,8 nghìn chiếc, tăng 7,9%; ô tô tải là gần 15 nghìn chiếc, tăng 18,2%; ô tô loại khác là 3,2 nghìn chiếc, giảm 23,5% so với 11 tháng/2010.

Số liệu thống kê Hải quan Việt Nam

Số liệu thống kê Hải quan Việt Nam